

# TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN THUYẾT MINH

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS hiểu được vai trò, vị trí và đặc điểm của văn bản thuyết minh trong đời sống con người.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản lần đầu tiên được đưa vào chương trình Tập làm văn THCS Việt Nam. Đây là loại văn bản thông dụng, có phạm vi sử dụng rất phổ biến trong đời sống, từ lâu nhiều nước trên thế giới, như Trung Quốc, Nhật Bản... đã đưa vào chương trình học cho HS.

Văn bản thuyết minh là văn bản trình bày tính chất, cấu tạo, cách dùng cùng lí do phát sinh, quy luật phát triển, biến hoá của sự vật, nhằm cung cấp tri thức, hướng dẫn cách sử dụng cho con người. Văn bản thuyết minh được sử dụng rất rộng rãi, ngành nghề nào cũng cần đến. Mua một cái máy như ti vi, máy bơm, máy cày,... đều phải kèm theo bản thuyết minh để ta hiểu tính năng, cấu tạo, cách

sử dụng, cách bảo quản. Mua một hộp bánh, trên đó cũng có ghi xuất xứ, thành phần các chất làm nên bánh, ngày sản xuất, hạn sử dụng, trọng lượng tịnh,... Đến một danh lam thắng cảnh, trước cổng vào thế nào cũng có bảng ghi lời giới thiệu lai lịch, sơ đồ thắng cảnh. Ra ngoài phố, ta gặp các bảng quảng cáo giới thiệu sản phẩm. Cầm quyển sách, bìa sau có thể có lời giới thiệu tóm tắt nội dung. Trong SGK có bài trình bày thí nghiệm hoặc trình bày sự kiện lịch sử, trình bày tiểu sử nhà văn, giới thiệu tác phẩm được trích,... Tất cả đều là văn bản thuyết minh. Như vậy, trong đời sống hằng ngày không lúc nào ta thiếu được các văn bản thuyết minh. Hai chữ *thuyết minh* ở đây bao hàm cả ý *giải thích, trình bày, giới thiệu* cho được hiểu rõ.

Khác với các văn bản nghị luận, tự sự, miêu tả, biểu cảm, hành chính – công vụ, văn bản thuyết minh chủ yếu trình bày tri thức một cách khách quan, giúp con người hiểu biết được đặc trưng, tính chất của sự vật, hiện tượng, và biết cách sử dụng chúng vào mục đích có lợi cho con người. Văn bản thuyết minh gắn liền với tư duy khoa học. Nó đòi hỏi chính xác, rạch ròi. Muốn làm được văn bản thuyết minh, phải tiến hành điều tra, nghiên cứu, học hỏi tri thức thì mới làm được.

Đưa văn bản thuyết minh vào nhà trường là cung cấp cho HS một kiểu văn bản thông dụng, rèn luyện kỹ năng trình bày các tri thức có tính chất khách quan, khoa học, nâng cao năng lực tư duy và biểu đạt cho HS. Loại văn bản này vốn không có gì xa lạ đối với HS. Bài giảng của các thầy cô thuộc tất cả các bộ môn đều là bài thị phạm tốt cho văn thuyết minh. Chỉ cần có ý thức hướng dẫn là HS có thể làm được. Loại văn bản này giúp cho HS quen với lối làm văn có tri thức, có tính khách quan khoa học, chính xác.

2. GV phải cho HS thấy đây là một loại văn bản khác hẳn với tự sự (vì không có sự việc, diễn biến), khác với miêu tả (vì không đòi hỏi miêu tả cụ thể cho người đọc *cảm thấy*, mà cốt làm cho người ta *hiểu*), khác với văn bản nghị luận (vì ở đây cái chính là trình bày nguyên lí, quy luật, cách thức,... chứ không phải là luận điểm, suy luận, lí lẽ), khác với văn bản hành chính – công vụ (là văn bản trình bày quyết định, nguyện vọng, thông báo của ai đối với ai), nghĩa là, văn bản thuyết minh là một kiểu văn bản riêng, mà các loại văn bản ấy không thay thế được.

HS đã học cách giải thích trong nghị luận. Nhưng nghị luận giải thích chủ yếu là dùng dẫn chứng, lí lẽ để làm sáng tỏ vấn đề. Ở văn bản thuyết minh lại là giải thích bằng cơ chế, quy luật của sự vật, cách thức sử dụng và bảo quản đồ vật,... Đây là một kiểu giải thích bằng tri thức khoa học khác với giải thích trong nghị luận nhằm phát biểu quan điểm.

3. Mục đích của bài này là giới thiệu, làm cho HS tiếp xúc và làm quen với các mẫu văn bản thuyết minh thông dụng. Các mẫu này đều lấy trong các sách có tính cách giáo khoa, khoa học phổ thông. GV có thể sưu tầm các sách cẩm nang du lịch, các tờ giấy thuyết minh đồ vật, bài giới thiệu để cho HS thấy.

Mỗi bài thuyết minh ở đây đều nhằm trả lời câu hỏi : sự vật (hiện tượng) ấy là gì, có đặc điểm gì, vì sao như vậy, nó có ích lợi gì.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**Hoạt động 1.** Cho HS đọc từng văn bản và trả lời câu hỏi "Văn bản trình bày vấn đề gì?".

Văn bản *Cây dừa Bình Định* trình bày ích lợi của cây dừa. Lợi ích này gắn với đặc điểm của cây dừa mà cây khác không có. Tất nhiên cây dừa Bến Tre hay nơi khác cũng ích lợi như thế. Nhưng đây giới thiệu riêng về cây dừa Bình Định, gắn bó với dân Bình Định.

Văn bản *Tại sao lá cây có màu xanh lục* ? giải thích về tác dụng của chất diệp lục làm cho người ta thấy lá cây có màu xanh.

Văn bản *Huế* giới thiệu Huế như là một trung tâm văn hoá nghệ thuật lớn của Việt Nam với những đặc điểm tiêu biểu riêng của Huế.

Đây là hoạt động quan trọng nhất của tiết học này. HS cảm nhận, hiểu đúng nội dung, tính chất của văn bản sẽ trả lời được câu hỏi ở hoạt động sau.

**Hoạt động 2.** Phân biệt với các kiểu văn bản đã học để hiểu tính chất chung của văn bản thuyết minh.

*Bước 1.* Để gợi ý cho HS trả lời, GV lưu ý :

– Văn bản tự sự trình bày sự việc, diễn biến, nhân vật. Ở đây có các nội dung đó không ?

– Văn bản miêu tả trình bày chi tiết cụ thể cho ta *cảm nhận* được sự vật, con người, ở đây có như thế không ? Ở đây chủ yếu là làm cho người ta hiểu.

– Văn bản nghị luận trình bày ý kiến, luận điểm. Ở đây có luận điểm không ? Ở đây chỉ có kiến thức.

Do đó, đây là kiểu văn bản khác.

*Bước 2.* Đặc điểm chung của văn bản thuyết minh là gì ? Trình bày đặc điểm tiêu biểu của sự vật, hiện tượng.

Ví dụ, cây dừa, từ thân cây, lá cây đến nước dừa, cùi dừa, sọ dừa đều có ích cho con người, cho nên nó gắn bó với cuộc sống của người dân. Lá cây có chất diệt lục cho nên có màu xanh lục. Huế là một thành phố có cảnh sắc, sông núi hài hoà, có nhiều công trình văn hoá, nghệ thuật nổi tiếng, có nhiều vườn hoa cây cảnh, món ăn đặc sản, đã trở thành trung tâm văn hoá lớn của nước ta. Ba văn bản, văn bản nào cũng trình bày đặc điểm tiêu biểu của đối tượng thuyết minh của nó.

Từ đặc điểm này, có thể rút ra kết luận là văn bản thuyết minh có nhiệm vụ cung cấp tri thức khách quan về sự vật, giúp con người có được hiểu biết về sự vật một cách đúng đắn, đầy đủ. Đây là đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt kiểu văn bản này với các kiểu văn bản khác. Đã là tri thức thì người làm không thể hư cấu, bịa đặt, tưởng tượng hay suy luận ra mà làm được.

Nói là tri thức khách quan nghĩa là tri thức phải phù hợp với thực tế, và không đòi hỏi người làm phải bộc lộ cảm xúc cá nhân chủ quan của mình. Người viết phải biết tôn trọng sự thật, không vì lòng yêu ghét của mình mà thêm thắt cho đối tượng.

Văn thuyết minh có tính chất thực dụng, cung cấp tri thức là chính, không đòi hỏi bắt buộc phải làm cho người đọc thưởng thức cái hay cái đẹp như tác phẩm văn học. Tuy nhiên nếu viết có cảm xúc, biết gây hứng thú cho người đọc thì vẫn tốt. Ví dụ, nếu giới thiệu một loài hoa có thể bắt đầu bằng việc miêu tả vẻ đẹp của hoa, gợi cảm xúc chung về loài hoa ấy. Nếu giới thiệu một loài vật cũng thế.

Sau hai hoạt động trên, GV có thể cho HS học phần *Ghi nhớ*.

**Hoạt động 3.** Hướng dẫn luyện tập (nhằm củng cố kiến thức ở trên).

**Bài 1.** Bài gồm hai văn bản, một văn bản cung cấp kiến thức lịch sử, một văn bản cung cấp kiến thức khoa học sinh vật.

**Bài 2.** Liên hệ với bài văn nhật dụng đã học. Đó là một bài văn *nghị luận*, đề xuất một hành động tích cực bảo vệ môi trường, nhưng đã sử dụng yếu tố thuyết minh để nói rõ tác hại của bao bì ni lông, làm cho đề nghị có sức thuyết phục cao. GV lưu ý, đây là ví dụ tốt cho việc sử dụng yếu tố thuyết minh trong văn nghị luận.

**Bài 3.** Mở rộng nội dung bài tập 2, nêu vai trò của yếu tố thuyết minh trong các kiểu văn bản khác.